

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH**DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016, Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ	Dự thảo Nghị định quản lý, cung cấp và sử dụng phát thanh, truyền hình	Thuyết minh
Căn cứ:	Căn cứ:	
- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; - Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999; - Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009; - Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Báo chí số 126/2025/QH15; - Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Dẫn chiếu: Các Luật mới ban hành theo hướng dẫn Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
Tên gọi:	Tên gọi:	
Nghị định quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình	Nghị định quản lý, cung cấp và sử dụng phát thanh, truyền hình.	Điều chỉnh, cập nhật: Ngày 01/12/2025, Quốc hội thông qua Luật Báo chí số 126/2025/QH15 (sửa đổi), có hiệu lực từ 01/7/2026, có một số thay đổi về quy định đối với lĩnh vực phát thanh, truyền hình so Luật Báo chí số 103/2016/QH13 hiện hành. Luật Báo chí số 126/2025/QH15 quy định rõ loại hình báo chí là Phát thanh (không phải là báo nói như Luật Báo chí số 103/2016/QH13), Truyền hình (không phải là báo hình như Luật Báo chí số 103/2016/QH13).

		Theo đó, cần có một Nghị định riêng cho phát thanh, truyền hình để tính đến mọi đặc điểm riêng của lĩnh vực này (báo, công nghệ, kỹ thuật sản xuất, truyền dẫn, thu phát, dịch vụ, đối tượng thụ hưởng...).
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
Nghị định này quy định chi tiết việc quản lý nội dung thông tin, chất lượng, giá, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam; thu xem kênh chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam.	Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Báo chí số 126/2025/QH15, bao gồm: 1. Khoản 6 Điều 18 về cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình, Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; 2. Khoản 5 Điều 19 về thu hồi Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình, Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; 3. Khoản 4 Điều 23 về liên kết trong hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình; 4. Khoản 5 Điều 25 về chế độ lưu trữ chương trình đã được truyền dẫn, phát sóng, thông tin về nguồn tín hiệu sử dụng để chuyển tiếp sóng và lưu chiếu điện tử phát thanh, truyền hình, đo kiểm và công bố số liệu liên quan đến hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình; 5. Khoản 4 Điều 29 về nền tảng phát thanh số quốc gia, nền tảng truyền hình số quốc gia và công cụ số để thực hiện giám sát hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình trên không gian mạng;	Điều chỉnh, cập nhật: Luật Báo chí số 126/2025/QH15. Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10.

	6. Khoản 2 Điều 44 về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; 7. Khoản 4 Điều 45 về nguyên tắc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá và điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. 8. Khoản 5 Điều 46 về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình.	
--	--	--

Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động quản lý nội dung thông tin, chất lượng, giá, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam; hoạt động thu xem kênh chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Các cơ quan theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Báo chí số 126/2025/QH15 (sau đây gọi là cơ quan chủ quản báo chí); đài phát thanh, đài truyền hình, đài phát thanh và truyền hình, đơn vị hoạt động truyền hình, báo và phát thanh, truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình). 2. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng phát thanh, truyền hình tại Việt Nam.	Điều chỉnh, cập nhật: - Ngày 01/12/2025, Quốc hội thông qua Luật Báo chí số 126/2025/QH15 (sửa đổi), có hiệu lực từ 01/7/2026, có một số thay đổi về quy định đối với lĩnh vực phát thanh, truyền hình so Luật Báo chí số 103/2016/QH13 hiện hành. Luật Báo chí số 126/2025/QH15 quy định rõ loại hình báo chí là Phát thanh (không phải là báo nói như Luật Báo chí số 103/2016/QH13), Truyền hình (không phải là báo hình như Luật Báo chí số 103/2016/QH13). - Căn cứ khoản 1 Điều 17 Luật Báo chí số 126/2025/QH15 bổ sung các cơ quan, đài phát thanh, đài truyền hình, đài phát thanh và truyền hình, đơn vị hoạt động truyền hình, báo và phát thanh, truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
Điều 3. Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. <i>Giấy phép hoạt động phát thanh</i> là Giấy phép hoạt động báo chí được cấp cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh. Trong giấy phép này quy định về kênh chương trình phát thanh đầu tiên với tổ chức được cấp phép. 2. <i>Giấy phép hoạt động truyền hình</i> là Giấy phép hoạt động báo chí được cấp cho cơ quan báo chí hoạt động truyền hình. Giấy phép này quy định kênh chương trình truyền hình đầu tiên của tổ chức được cấp phép.	Giữ nguyên Nội dung giải thích được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ 3. <i>Kênh chương trình trong nước</i> là kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình do các cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình (báo nói, báo hình) của Việt Nam sản xuất hoặc liên kết sản xuất theo quy định của pháp luật.	3. <i>Kênh chương trình trong nước</i> là kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình do các cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình của Việt Nam sản xuất hoặc liên kết sản xuất theo quy định của pháp luật.	Qua 10 năm triển khai, hiện chưa phát sinh vướng mắc đến nội dung giải thích này.
Điều 3. Giải thích từ ngữ 4. <i>Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu</i> là kênh chương trình trong nước do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quy định phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền trong từng giai đoạn; gồm kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.	4. <i>Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu</i> là kênh chương trình trong nước do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền trong từng giai đoạn; gồm kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ 5. <i>Kênh chương trình nước ngoài</i> là kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình do các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài sản xuất, có ngôn ngữ thể hiện bằng tiếng nước ngoài.	5. <i>Kênh chương trình nước ngoài</i> là kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình do các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài sản xuất, có ngôn ngữ thể hiện chính là tiếng nước ngoài.	Cập nhật, làm rõ: Về cơ bản nội dung giải thích được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. Bổ sung giải thích rõ thêm ngôn ngữ thể hiện chính của kênh chương trình nước ngoài là tiếng nước ngoài. Lý do: thời gian qua xuất hiện có chương trình trong kênh chương trình nước ngoài được thực hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ 16. <i>Chương trình trong nước</i> là chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của Luật Báo chí; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do tổ chức Việt Nam sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện	6. <i>Chương trình trong nước</i> là chương trình phát thanh, chương trình truyền hình theo quy định của Luật Báo chí số 126/2025/QH15; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do tổ chức Việt Nam sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.	Giữ nguyên Nội dung giải thích được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. Qua 10 năm triển khai, hiện chưa phát sinh vướng mắc đến nội dung giải thích này.
Điều 3. Giải thích từ ngữ 17. <i>Chương trình nước ngoài</i> là chương trình phát thanh, truyền hình thuộc kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình nước ngoài; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do tổ chức nước ngoài sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.	7. <i>Chương trình nước ngoài</i> là chương trình phát thanh, chương trình truyền hình thuộc kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình nước ngoài; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do tổ chức nước ngoài sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ 6. <i>Hoạt động liên kết sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình</i> là hoạt động hợp tác để thực hiện việc sản xuất chương trình, kênh chương trình trong nước giữa đơn vị có Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước và đối tác liên kết thông qua hợp đồng liên kết.	8. <i>Hoạt động liên kết sản xuất phát thanh, truyền hình</i> là hoạt động hợp tác để thực hiện việc sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước giữa cơ quan báo chí có giấy phép phát thanh, giấy phép truyền hình và đối tác liên kết thông qua hợp đồng liên kết.	
	9. <i>Lưu trữ chương trình</i> là việc sử dụng các phương tiện điện tử để thực hiện lưu trữ chương trình phát thanh, chương trình truyền hình.	Bổ sung: Khái niệm mới bổ sung để hướng dẫn quy định mới tại Luật Báo chí năm 2025.
	10. <i>Lưu chiếu điện tử</i> là việc sử dụng các phương tiện điện tử để thực hiện việc lưu chiếu.	
	11. <i>Hoạt động lưu chiếu điện tử</i> là việc cơ quan quản lý nhà nước về phát thanh, truyền hình ở trung ương tổ chức tiếp nhận, lưu giữ, bảo quản và sử dụng các sản phẩm phát thanh, truyền hình.	

Điều 4. Phân loại dịch vụ phát thanh, truyền hình: 1. a) <i>Dịch vụ truyền hình mặt đất</i>: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất kỹ thuật số để cung cấp các kênh chương trình phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ;	12. <i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất</i> là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng mặt đất;	Cập nhật, làm rõ: Nội dung giải thích được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. Bổ sung giải thích rõ thêm là dịch vụ gồm cả phát thanh và truyền hình, lược bỏ những nội dung đã được quy định về dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Luật Báo chí 2025
Điều 4. Phân loại dịch vụ phát thanh, truyền hình: 1. b) <i>Dịch vụ truyền hình cáp</i>: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng truyền hình cáp áp dụng các công nghệ khác nhau để cung cấp các kênh chương trình phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ, gồm: Dịch vụ truyền hình cáp tương tự; dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số; dịch vụ truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV);	13. <i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp</i> là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng mạng cáp, áp dụng các công nghệ khác nhau, gồm: Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp tương tự; dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp kỹ thuật số; dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV);	
Điều 4. Phân loại dịch vụ phát thanh, truyền hình: 1. c) <i>Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh</i>: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng truyền hình qua vệ tinh để cung cấp các kênh chương trình phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ;	14. <i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh</i> là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng qua vệ tinh;	
Điều 4. Phân loại dịch vụ phát thanh, truyền hình: 1. d) <i>Dịch vụ truyền hình di động</i>: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng truyền hình di động mặt đất, truyền hình di động qua vệ tinh, truyền hình qua mạng viễn thông di động mặt đất để cung cấp các kênh chương trình phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ;	15. <i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động</i> là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng di động mặt đất, di động qua vệ tinh, qua mạng viễn thông di động mặt đất;	

Điều 4. Phân loại dịch vụ phát thanh, truyền hình: 1. <i>đ)11 Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet</i> là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng kết nối mạng Internet thông qua các địa chỉ tên miền của trang thông tin điện tử hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý, gồm cả ứng dụng Internet.	16. <i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet</i> là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng kết nối mạng Internet thông qua các địa chỉ tên miền của trang thông tin điện tử hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý, gồm cả ứng dụng Internet.	
Điều 4. Phân loại dịch vụ phát thanh, truyền hình: 2. a) <i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá</i> là dịch vụ do doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cung cấp cho người sử dụng dịch vụ tự do mà không áp dụng các biện pháp kỹ thuật để quản lý, kiểm soát hoặc ràng buộc điều kiện thu tín hiệu;	17. <i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá</i> là phương thức cung cấp các loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình cho người sử dụng dịch vụ tự do, không áp dụng các biện pháp kỹ thuật để quản lý, kiểm soát hoặc ràng buộc điều kiện thu tín hiệu	Giữ nguyên Nội dung giải thích được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
Điều 4. Phân loại dịch vụ phát thanh, truyền hình: 2. b) <i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền</i> là dịch vụ do doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cung cấp cho người sử dụng dịch vụ có áp dụng biện pháp kỹ thuật để quản lý, kiểm soát và ràng buộc điều kiện thu tín hiệu.	18. <i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền</i> là phương thức cung cấp các loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình cho người sử dụng dịch vụ, có áp dụng biện pháp kỹ thuật để quản lý, kiểm soát và ràng buộc điều kiện thu tín hiệu.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ: 2. <i>Dịch vụ giá trị gia tăng</i> là dịch vụ cung cấp nội dung làm tăng thêm tiện ích của dịch vụ phát thanh, truyền hình, gắn liền với kênh chương trình và các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu.	19. <i>Dịch vụ giá trị gia tăng</i> là dịch vụ cung cấp nội dung làm tăng thêm tiện ích của dịch vụ phát thanh, truyền hình, gắn liền với kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, nội dung theo yêu cầu	
Điều 3. Giải thích từ ngữ: 7. <i>Đơn vị cung cấp nội dung</i> là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình tại Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu bản quyền hoặc có thỏa thuận sử dụng bản quyền hợp pháp đối với nội dung cung cấp cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.	20. <i>Đơn vị cung cấp nội dung</i> là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình tại Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu bản quyền hoặc có thỏa thuận sử dụng bản quyền hợp pháp đối với nội dung cung cấp cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.	

Điều 3. Giải thích từ ngữ: 8. <i>Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình</i> là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam đủ điều kiện cung cấp dịch vụ và trực tiếp cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ.	21. <i>Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình</i> là cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình hoặc doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam đủ điều kiện cung cấp dịch vụ và trực tiếp cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ.	Cập nhật, bổ sung: Nội dung giải thích được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. Bổ sung thêm đối tượng được cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền gồm cả cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình
Điều 3. Giải thích từ ngữ: 9. <i>Hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình</i> là mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.	22. <i>Hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình</i> là mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.	Giữ nguyên Nội dung giải thích được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
Điều 3. Giải thích từ ngữ: 10. <i>Người sử dụng dịch vụ</i> là tổ chức, cá nhân có thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.	23. <i>Người sử dụng dịch vụ</i> là tổ chức, cá nhân có thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ: 11. <i>Thuê bao sử dụng dịch vụ (gọi tắt là thuê bao)</i> là người sử dụng dịch vụ có ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới hình thức văn bản hoặc điện tử.	24. <i>Thuê bao sử dụng dịch vụ (gọi tắt là thuê bao)</i> là người sử dụng dịch vụ có ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới hình thức văn bản hoặc điện tử.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ: 12. <i>Thiết bị đầu cuối</i> là thiết bị thu tín hiệu phát thanh, truyền hình tại điểm kết cuối của hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình ở phía người sử dụng.	25. <i>Thiết bị đầu cuối</i> là thiết bị thu tín hiệu phát thanh, truyền hình tại điểm kết cuối của hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình ở phía người sử dụng.	

Điều 3. Giải thích từ ngữ: 13. <i>Thiết bị đầu cuối phát thanh, truyền hình trả tiền</i> là thiết bị đầu cuối có tích hợp chức năng phù hợp với yêu cầu bảo vệ nội dung và quản lý thuê bao của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	26. <i>Thiết bị đầu cuối phát thanh, truyền hình trả tiền</i> là thiết bị đầu cuối có tích hợp chức năng phù hợp với yêu cầu bảo vệ nội dung và quản lý thuê bao của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ: 14. <i>Điểm kết cuối dịch vụ phát thanh, truyền hình</i> là điểm đầu nối vật lý thuộc mạng viễn thông theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình để bảo đảm việc đầu nối thiết bị đầu cuối vào mạng viễn thông và phân định ranh giới kinh tế, kỹ thuật giữa đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình và người sử dụng dịch vụ.	27. <i>Điểm kết cuối dịch vụ phát thanh, truyền hình</i> là điểm đầu nối vật lý thuộc mạng viễn thông theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình để bảo đảm việc đầu nối thiết bị đầu cuối vào mạng viễn thông và phân định ranh giới kinh tế, kỹ thuật giữa đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình và người sử dụng dịch vụ.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ: 15. <i>Trung tâm thu phát</i> là vị trí các thiết bị phát thanh, truyền hình được thiết lập thành hệ thống để thu, xử lý tín hiệu băng cơ sở và cấp tín hiệu phát thanh, truyền hình đến hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình để cung cấp đến người sử dụng.	28. <i>Trung tâm thu phát</i> là vị trí các thiết bị phát thanh, truyền hình được thiết lập thành hệ thống để thu, xử lý tín hiệu băng cơ sở và cấp tín hiệu phát thanh, truyền hình đến hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình để cung cấp đến người sử dụng.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ 18. <i>Nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu</i> gồm: phim, chương trình trong nước, chương trình nước ngoài.	29. <i>Nội dung theo yêu cầu, gồm</i> phim, chương trình trong nước, chương trình nước ngoài, chuỗi nội dung gồm phim, chương trình thể thao, giải trí được phát sóng liên tục không có dấu hiệu nhận biết;	Cập nhật, bổ sung: Nội dung giải thích được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. Bổ sung, cho phép doanh nghiệp được sắp xếp nội dung phim, thể thao, giải trí thành chuỗi các chương trình phát liên tục, không có dấu hiệu nhận biết để phân biệt với kênh chương trình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ 19. <i>Cước dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền</i> là số tiền thuê bao phải chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền để được sử dụng dịch vụ theo ngày hoặc tuần hoặc tháng hoặc năm hoặc từng nội dung theo thỏa thuận của hợp đồng.	30. <i>Cước dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền</i> là số tiền thuê bao phải chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền để được sử dụng dịch vụ theo ngày hoặc tuần hoặc tháng hoặc năm hoặc từng nội dung theo thỏa thuận của hợp đồng.	Giữ nguyên Nội dung giải thích được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
	Điều 4. Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình	
	1. Giấy phép hoạt động báo chí do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình bao gồm giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.	
	2. Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có hiệu lực kể từ ngày cấp. Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình hết hiệu lực khi cơ quan, tổ chức chấm dứt hoạt động báo chí. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.	Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, làm rõ: Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15 Trên cơ sở quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chi tiết việc cấp phép hoạt động báo nói, báo hình, Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ TTTT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 và Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020. Quy định rõ thêm Giấy phép hoạt động báo chí do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình bao gồm giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.
Điều 15. Cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước	Điều 5. Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước	

1. Đơn vị đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước phải là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình.	1. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình được đề nghị sản xuất thêm kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước.	Giữ nguyên Quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
3. Thủ tục cấp Giấy phép b) Trong thời hạn 24 (hai tư) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.	2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước; cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước của các cơ quan báo chí ở trung ương.	Điều chỉnh, phân cấp: - Thay đổi thẩm quyền ban hành cấp Giấy phép từ Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sang Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (theo Nghị định 43/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). - Phân cấp thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cụ thể: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước của các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước của các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh truyền hình trong nước do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.	
Điều 20. Cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Điều 6. Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	
2. Điều kiện cấp Giấy phép	1. Điều kiện cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Giữ nguyên điều kiện, đơn giản hóa thực hiện

a) Là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình;	a) Là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh hoặc Giấy phép hoạt động truyền hình;	Quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. Đơn giản hóa cho phép người được ủy quyền theo quy định được ký xác nhận hồ sơ.
b) Có văn bản chấp thuận và đề nghị cấp Giấy phép biên tập của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, văn bản đề nghị cấp Giấy phép phải do người đứng đầu cơ quan báo chí ký;	b) Có văn bản chấp thuận và đề nghị cấp giấy phép biên tập của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, văn bản đề nghị cấp giấy phép phải do người đứng đầu cơ quan hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật cơ quan báo chí ký;	
c) Có nhân sự đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn báo chí, có thẻ nhà báo và trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép biên tập;	c) Có nhân sự đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn báo chí, có thẻ nhà báo và trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp giấy phép biên tập;	
d) Có năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu biên tập, gồm: Hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình; bảo đảm công tác biên tập, biên dịch được thực hiện tại Việt Nam theo quy định tại Điều 19 Nghị định này;	d) Có năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu biên tập, gồm hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình; bảo đảm công tác biên tập, biên dịch được thực hiện tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này;	
đ) Có năng lực tài chính cần thiết thể hiện bởi dự toán chi phí biên tập, biên dịch trong 01 (một) năm và văn bản chứng minh nguồn tài chính hợp pháp bảo đảm thực hiện công tác biên tập, biên dịch theo dự toán;	đ) Có năng lực tài chính cần thiết thể hiện bởi dự toán chi phí biên tập hoặc biên tập, biên dịch trong 01 (một) năm và văn bản chứng minh nguồn tài chính hợp pháp bảo đảm thực hiện công tác biên tập, biên dịch theo dự toán	
e) Có bản quyền hoặc văn bản cho phép được sử dụng kênh chương trình nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.	e) Có bản quyền hoặc văn bản cho phép được sử dụng kênh chương trình nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.	

Điều 19. Biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền 1. Việc biên tập các kênh chương trình nước ngoài phải bảo đảm: a) Biên tập, quản lý nội dung không được trái quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí, điện ảnh, quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan;	2. Việc biên tập, quản lý nội dung bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí, điện ảnh, quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan.	
Điều 19. Biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền 1. Việc biên tập các kênh chương trình nước ngoài phải bảo đảm: b) Biên tập, thực hiện cảnh báo nội dung bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về trẻ em, điện ảnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan.	3. Việc biên tập, thực hiện cảnh báo nội dung bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về trẻ em, điện ảnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan.	Cắt giảm 01 Điều Nội dung cập nhật vào quy định tại phần điều kiện
Điều 19. Biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền 2. Việc biên dịch kênh chương trình nước ngoài phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt.	4. Việc biên dịch kênh chương trình nước ngoài phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt.	
Điều 19. Biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền 3. Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định việc phân loại kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc phân loại kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	

Điều 20. Cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền 1. Việc cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thực hiện với từng kênh chương trình và phù hợp với chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển và quản lý báo chí toàn quốc	5. Việc cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thực hiện với từng kênh chương trình và phù hợp với chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển và quản lý báo chí toàn quốc.	Nội dung cập nhật vào quy định tại phần điều kiện
6. Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có thời hạn tối đa là 10 (mười) năm kể từ ngày cấp, nhưng không quá thời hạn ghi trong văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình.	6. Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có thời hạn tối đa là 10 (mười) năm kể từ ngày cấp, nhưng không quá thời hạn ghi trong văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.	Cắt giảm 01 khoản Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15 điều chỉnh bỏ quy định theo thời gian của Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình Không quy định hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trong Nghị định này mà giao Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.
	Điều 7. Thu hồi Giấy phép phát thanh, truyền hình	
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thu hồi giấy phép phát thanh, giấy phép truyền hình trong các trường hợp sau đây:	Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, làm rõ: Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15, Trên cơ sở Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chi tiết việc cấp phép hoạt động báo nói, báo hình, Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ TTTT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
	1. Cơ quan báo chí có giấy phép nhưng không hoạt động:	
	a) Sau 9 tháng kể từ ngày giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có hiệu lực, cơ quan báo chí không phát sóng kênh chương trình theo giấy phép hoạt động được cấp.	

	b) Sau 6 tháng kể từ ngày giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước có hiệu lực, cơ quan báo chí không phát sóng kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước theo giấy phép được cấp .	36/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 và Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020.; Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. Quy định rõ việc thu hồi đối với từng loại Giấy phép.
	c) Sau 3 tháng kể từ ngày giấy phép biên tập kênh chương trình phát thanh nước ngoài, kênh chương trình truyền hình nước ngoài có hiệu lực, cơ quan báo chí không cung cấp tín hiệu kênh chương trình đến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	
	2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan báo chí tạm ngừng quá 9 tháng đối với hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình; tạm ngừng quá 6 tháng đối với hoạt động sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước; tạm ngừng quá 3 tháng đối với hoạt động biên tập kênh chương trình phát thanh nước ngoài, kênh chương trình truyền hình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	
	3. Cơ quan báo chí không đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Báo chí số 126/2025/QH15 và một trong các điều kiện hoạt động sau:	
	a) Về nhân sự người đứng đầu cơ quan báo chí: Trong thời hạn 06 tháng cơ quan chủ quản không lựa chọn được người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và thực hiện được quy trình để bổ nhiệm giữ chức vụ người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ người đứng đầu cơ quan báo chí để đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến bổ nhiệm theo quy định.	

	b) Không đảm bảo điều kiện về tài chính để duy trì hoạt động của cơ quan báo chí: Nợ ngân sách nhà nước gồm nợ thuế theo quy định của pháp luật về thuế; tiền phạt, nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định về xử lý vi phạm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nợ các khoản liên quan đến người lao động, đóng bảo hiểm xã hội quá thời hạn 12 tháng và thanh toán tiền lương chậm quá 12 tháng.	
	4. Cơ quan báo chí thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 8 của Luật Báo chí số 126/2025/QH15 gây ảnh hưởng nghiêm trọng trở lên hoặc vi phạm hành chính bị xử lý nhiều lần.	
	5. Trường hợp không còn nhu cầu hoạt động phát thanh hoặc truyền hình, chậm nhất là 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, cơ quan chủ quản báo chí thông báo bằng văn bản cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thu hồi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;	
	Trường hợp không còn nhu cầu sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước, chậm nhất là 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt sản xuất, cơ quan báo chí thông báo bằng văn bản cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thu hồi giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;	

	Trường hợp không còn nhu cầu biên tập kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình nước ngoài, chậm nhất là 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt biên tập, cơ quan báo chí thông báo bằng văn bản cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thu hồi giấy phép biên tập kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình nước ngoài và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.	
	Hồ sơ, thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh truyền hình trong nước, giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.	
	6. Trường hợp cơ quan báo chí bị thu hồi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình thì toàn bộ các giấy phép phát thanh, giấy phép truyền hình khác hết hiệu lực.	
	7. Cơ quan báo chí sau khi bị thu hồi giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước, giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nếu có nhu cầu và đáp ứng các điều kiện theo quy định, thì thực hiện hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp giấy phép này theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
Điều 16. Liên kết sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình	Điều 8. Liên kết trong hoạt động phát thanh, truyền hình	

1. Đơn vị có Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước được lựa chọn và chịu trách nhiệm về đối tác là tổ chức có pháp nhân thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam để liên kết sản xuất một phần hoặc toàn bộ chương trình, kênh chương trình.	1. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh trong nước được lựa chọn và chịu trách nhiệm về đối tác là tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, cá nhân có đăng ký kinh doanh phù hợp với lĩnh vực liên kết theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình.	Giữ nguyên Quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
3. Thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình thuộc các lĩnh vực được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 37 Luật Báo chí, trừ các chương trình phát thanh, truyền hình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.	2. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh trong nước được thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Báo chí số 126/2025/QH15.	
4. Các chương trình thực hiện hoạt động liên kết trong kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước và kênh thời sự - chính trị tổng hợp không được vượt quá 30% tổng thời lượng chương trình phát sóng lần 1 (một) theo Giấy phép sản xuất của kênh này.	3. Cơ quan báo chí được thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình nhưng không vượt quá 30% tổng thời lượng chương trình phát sóng lần 1 (một) trên kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của nhà nước và kênh thời sự - chính trị tổng hợp; được thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình hoặc toàn bộ kênh chương trình đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước.	

5. Các đơn vị có Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước khi thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình có trách nhiệm: a) Quyết định nội dung phát sóng của chương trình, kênh chương trình liên kết bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật về báo chí; b) Báo cáo bằng văn bản khi thực hiện chương trình liên kết mới. c) Kiểm soát và chịu trách nhiệm về nội dung để bảo đảm các chương trình liên kết được biên tập, phân loại trước khi phát sóng hoặc cung cấp đến các nền tảng truyền thông số khác; d) Kiểm soát và chịu trách nhiệm về hoạt động của đối tác liên kết trong quá trình tổ chức sản xuất chương	4. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh trong nước khi thực hiện hoạt động liên kết sản xuất có trách nhiệm: a) Quyết định nội dung phát sóng bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật về báo chí; b) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về phát thanh, truyền hình bằng văn bản theo biểu mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này, khi thực hiện chương trình liên kết mới. c) Kiểm soát và chịu trách nhiệm về nội dung để bảo đảm các chương trình liên kết được biên tập, phân loại trước khi phát sóng hoặc cung cấp đến các nền tảng truyền thông số khác. d) Kiểm soát và chịu trách nhiệm về hoạt động của đối	
2. Quyền lợi của đối tác liên kết được trả bằng quyền lợi từ hoạt động quảng cáo, tài trợ hoặc nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị có Giấy phép sản xuất kênh chương trình khi phát sóng chính chương trình, kênh chương trình liên kết.	5. Quyền lợi của đối tác liên kết phải được quy định rõ trong các thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình và được trả quyền lợi từ hoạt động quảng cáo, tài trợ hoặc nguồn thu hợp pháp khác của cơ quan báo chí khi phát sóng chính chương trình, kênh chương trình liên kết.	Cập nhật, làm rõ: Quy định rõ để khi thực hiện hoạt động liên kết sản xuất các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình và đối tác liên kết phải thể hiện thống nhất về các thỏa thuận và thực hiện loại hình là hợp đồng liên kết sản xuất chương trình
	6. Trường hợp cơ quan báo chí sử dụng tài sản công để thực hiện liên kết trong hoạt động phát thanh, truyền hình tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Báo chí số 126/2025/QH15.	Cập nhật, làm rõ: Quy định rõ việc các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình sử dụng tài sản công để thực hiện liên kết trong hoạt động phát thanh, truyền hình
Điều 17. Kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Điều 9. Điều kiện đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam	

Các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau:	1. Các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:	Giữ nguyên Quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
1. Số lượng kênh chương trình nước ngoài khai thác trên hệ thống dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không vượt quá 30% tổng số kênh khai thác.	<i>Nội dung này đưa xuống điều kiện cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cho phù hợp.</i>	
2. Có nội dung lành mạnh, phù hợp văn hóa Việt Nam, không vi phạm những quy định của pháp luật về báo chí của Việt Nam.	a) Có nội dung lành mạnh, phù hợp văn hóa Việt Nam, không vi phạm những quy định của pháp luật về báo chí của Việt Nam.	
3. Đã đáp ứng yêu cầu quyền sở hữu hoặc sử dụng bản quyền nội dung khi cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam.	b) Đáp ứng yêu cầu quyền sở hữu hoặc sử dụng bản quyền nội dung khi cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam.	
4. Đã được chứng nhận đăng ký cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.	c) Đã được chứng nhận đăng ký cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.	
5. Được một đơn vị có Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài theo quy định tại Điều 20 Nghị định này thực hiện biên tập, biên dịch và chịu trách nhiệm về nội dung biên tập, biên dịch.	d) Được một đơn vị có Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định này thực hiện biên tập, biên dịch và chịu trách nhiệm về nội dung biên tập, biên dịch.	
6. Không bao gồm nội dung quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài. Các nội dung quảng cáo (nếu có) phải được cài đặt tại Việt Nam. Cơ quan báo chí được cấp Giấy phép biên tập là đầu mối thực hiện cài đặt quảng cáo, chịu trách nhiệm về thời lượng, nội dung quảng cáo bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo như đối với kênh truyền hình trả tiền.	đ) Không bao gồm nội dung quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài. Các nội dung quảng cáo (nếu có) phải được cài đặt tại Việt Nam. Cơ quan báo chí được cấp Giấy phép biên tập thực hiện cài đặt quảng cáo, chịu trách nhiệm về thời lượng, nội dung quảng cáo bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo.	
7. Đã có đại lý được ủy quyền tại Việt Nam thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.	2. Đại lý được ủy quyền tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:	

Điều 18. Đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền 4. Đại lý được ủy quyền là doanh nghiệp Việt Nam và được các hãng truyền hình nước ngoài ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam.	a) Là doanh nghiệp Việt Nam.	Giữ nguyên Quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
4. Đại lý được ủy quyền là doanh nghiệp Việt Nam và được các hãng truyền hình nước ngoài ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam.	b) Được các hãng truyền hình nước ngoài ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam	
2. Các hãng truyền hình nước ngoài phải quy định rõ phạm vi ủy quyền cho mỗi đại lý khi đồng thời thực hiện ủy quyền từ 02 (hai) đại lý trở lên.	c) Trường hợp hãng truyền hình nước ngoài thực hiện ủy quyền đồng thời từ 02 (hai) đại lý trở lên phải quy định rõ phạm vi ủy quyền cho mỗi đại lý.	
5. Đại lý được ủy quyền có trách nhiệm đăng ký cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam với Bộ Thông tin và Truyền thông.	d) Đại lý được ủy quyền có trách nhiệm đăng ký cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).	Điều chỉnh, phân cấp: Phân cấp thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận, cụ thể: Từ cấp Bộ xuống cấp Cục.
	đ) Thực hiện đúng các quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp.	Giữ nguyên Quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
1. Các hãng truyền hình nước ngoài cung cấp kênh chương trình nước ngoài vào Việt Nam có thu phí bản quyền nội dung phải thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam để thực hiện việc đăng ký cung cấp kênh chương trình và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam.	e) Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.	

3. Đối với các kênh chương trình nước ngoài không có thu phí bản quyền nội dung, các hãng truyền hình nước ngoài chỉ thực hiện thủ tục biên tập, biên dịch theo quy định, không phải thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam.	3. Đối với các kênh chương trình nước ngoài không có thu phí bản quyền nội dung, các hãng truyền hình nước ngoài chỉ thực hiện thủ tục biên tập, biên dịch theo quy định, không phải thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam.	
Điều 18. Đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Điều 10. Hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	
Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài	1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài	Điều chỉnh, đơn giản hóa hồ sơ: - Về thành phần hồ sơ: giữ nguyên quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Về chứng thực: đơn giản hóa, cắt giảm bớt bản sao.
a) Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;	a) Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;	
b) Bản sao Giấy phép hoạt động của hãng truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực;	b) Bản sao Giấy phép hoạt động của hãng truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực;	
c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài;	c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài;	
d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản xác nhận của hãng truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);	d) Bản sao văn bản xác nhận của hãng truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài;	

đ) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);	đ) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình; khung phát sóng của kênh chương trình trong vòng 01 (một) tháng và khung chương trình này có thời gian không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nộp hồ sơ, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài.	
	2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	
g) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử) và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký;	a) Doanh nghiệp được ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có thông báo cho doanh nghiệp bằng văn bản giấy hoặc điện tử và nêu rõ lý do.	Điều chỉnh, đơn giản hóa thủ tục: - Thay đổi và phân cấp thẩm quyền ban hành cấp Giấy chứng nhận từ Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sang Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (theo Nghị định 43/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). - Bổ sung làm rõ quy định về thời gian xử lý trả lời về tính hợp lệ của hồ sơ

h) Trong thời hạn 24 (hai tư) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trong đó quy định rõ yêu cầu biên tập, biên dịch đối với kênh chương trình được cấp Giấy chứng nhận đăng ký;	b) Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trong đó quy định rõ yêu cầu biên tập, biên dịch đối với kênh chương trình được cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo biểu mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản giấy hoặc điện tử trả lời và nêu rõ lý do.	Điều chỉnh, đơn giản hóa thủ tục: - Thay đổi và phân cấp thẩm quyền ban hành cấp Giấy chứng nhận từ Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sang Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (theo Nghị định 43/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). - Điều chỉnh giảm thời gian xử lý hồ sơ - giảm 6 ngày.
i) Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong văn bản ủy quyền làm đại lý. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.	3. Thời hạn Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong văn bản ủy quyền làm đại lý.	Giữ nguyên Thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận giữ nguyên quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
7. Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký	Điều 11. Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	
	1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài	Điều chỉnh, đơn giản hóa hồ sơ:

a) Trường hợp thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục đăng ký áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu quy định tại Khoản 6 Điều này;	a) Trường hợp thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục đăng ký áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này;	- Về thành phần hồ sơ: giữ nguyên quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Về chứng thực: đơn giản hóa, cắt giảm bớt bản sao.
b) Các thay đổi khác với quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều này, doanh nghiệp có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký của đại lý được ủy quyền nêu rõ lý do và thuyết minh chi tiết những nội dung đề nghị thay đổi và đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điểm c, d, đ Khoản này;	b) Trường hợp thay đổi khác với quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, doanh nghiệp có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký nêu rõ lý do và thuyết minh chi tiết những nội dung đề nghị thay đổi kèm theo văn bản của hãng truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi; văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình; khung phát sóng của kênh chương trình trong vòng 01 (một) tháng và khung chương trình này có thời gian không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nộp hồ sơ, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài.	
c) Văn bản của hãng truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi;	c) Văn bản của hãng truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi;	
đ) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình;	d) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình; khung phát sóng của kênh chương trình trong vòng 01 (một) tháng và khung chương trình này có thời gian không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nộp hồ sơ, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài.	
d) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp;		

Cắt giảm 01 thành phần hồ sơ

Cắt giảm 01 thành phần hồ sơ, đối chiếu trong cơ sở dữ liệu cấp phép

	2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	
e) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử) và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ;	a) Doanh nghiệp được ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có thông báo cho doanh nghiệp bằng bản giấy hoặc điện tử và nêu rõ lý do.	Điều chỉnh, đơn giản hóa thủ tục: - Thay đổi và phân cấp thẩm quyền ban hành cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung từ Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sang Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (theo Nghị định 43/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). - Bổ sung làm rõ quy định về thời gian xử lý trả lời về tính hợp lệ của hồ sơ
g) Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.	b) Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản giấy hoặc điện tử trả lời nêu rõ lý do.	Điều chỉnh, đơn giản hóa thủ tục: - Thay đổi và phân cấp thẩm quyền ban hành cấp Giấy chứng nhận từ Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sang Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (theo Nghị định 43/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). - Điều chỉnh giảm thời gian xử lý hồ sơ - giảm 6 ngày.

	Điều 12. Lưu trữ phát thanh, truyền hình	
	1. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) a) Xây dựng hoặc thuê, vận hành và quản lý hệ thống lưu trữ điện tử để lưu giữ, bảo quản và sử dụng các chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật; b) Đánh giá, nhận xét về nội dung các chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình được lưu trữ theo yêu cầu của công tác quản lý; c) Kiểm tra nội dung các chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình lưu trữ, phát hiện và xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật. d) Khai thác dữ liệu hệ thống phục vụ công tác quản lý nhà nước và dịch vụ theo quy định.	Bổ sung: Bổ sung quy định để triển khai quy định mới tại Luật Báo chí năm 2025.
	2. Trách nhiệm của cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình a) Cung cấp tín hiệu truyền dẫn các chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình đã truyền dẫn, phát sóng, xuất bản trên không gian mạng theo yêu cầu của cơ quan thực hiện lưu trữ; b) Đảm bảo tính thống nhất, chính xác giữa nội dung đã truyền dẫn, phát sóng, xuất bản trên không gian mạng với nội dung cung cấp cho cơ quan thực hiện lưu trữ. c) Lưu trữ toàn bộ chương trình, kênh chương trình đã truyền dẫn, phát sóng, xuất bản trên không gian mạng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày truyền dẫn, phát sóng, xuất bản trên không gian mạng.	Bổ sung: Bổ sung quy định để triển khai quy định mới tại Luật Báo chí năm 2025.

	3. Quy trình kết nối lưu chiều phát thanh, truyền hình a) Cơ quan thực hiện lưu chiều phát thanh, truyền hình có văn bản thông báo cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình để kết nối theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trong văn bản thông báo phải nêu phương án kết nối, truyền dẫn tín hiệu đã phát sóng, xuất bản trên không gian mạng về hệ thống lưu chiều điện tử của cơ quan thực hiện lưu chiều, thời gian, địa điểm thực hiện kết nối. b) Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo về phương án kết nối, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình phải có văn bản trả lời, thống nhất việc kết nối với cơ quan thực hiện lưu chiều. c) Sau khi kết nối, cơ quan thực hiện lưu chiều kiểm tra, đảm bảo nội dung đã được lưu tại hệ thống và xác nhận với cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nội dung các chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình. d) Cơ quan thực hiện lưu chiều tổ chức lưu giữ nguyên trạng nội dung các chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình trên hệ thống lưu chiều tối thiểu là 06 tháng kể từ ngày đăng tải, phát sóng lần đầu phục vụ công tác quản lý.	Bổ sung: Bổ sung quy định để triển khai quy định mới tại Luật Báo chí năm 2025.
--	--	--

	4. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho hoạt động ưu chiều và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gồm: a) mua sắm hoặc thuê công cụ, dụng cụ, trang thiết bị, phương tiện để quản lý, du trì hệ thống lưu chiều phát thanh, truyền hình. b) Tổng hợp, phân tích, báo cáo về kết quả đánh giá chất lượng nội dung thông tin trên phát thanh, truyền hình. c) Các hoạt động khác phục vụ hoạt động lưu chiều phát thanh, truyền hình.	Bổ sung: Bổ sung quy định để triển khai quy định mới tại Luật Báo chí năm 2025.
	Điều 13. Xuất khẩu, nhập khẩu chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình	
	1. Các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình hoặc doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện xuất khẩu các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình trong nước, đảm bảo quy định của pháp luật liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất khẩu.	Bổ sung: Bổ sung quy định để triển khai quy định mới tại Luật Báo chí năm 2025.
	2. Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình, doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam được thực hiện nhập khẩu các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình nước ngoài. Các kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam phải được cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình thực hiện biên tập trước khi cung cấp đến người sử dụng theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này.	Bổ sung: Bổ sung quy định để triển khai quy định mới tại Luật Báo chí năm 2025.

	Điều 14. Nền tảng số phát thanh, truyền hình quốc gia và công cụ số giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình trên không gian mạng	
	1. Nền tảng số phát thanh, truyền hình quốc gia là nền tảng số báo chí quốc gia, cung cấp các kênh chương trình phát thanh hoặc kênh chương trình truyền hình hoặc kênh chương trình phát thanh và truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện hoặc doanh nghiệp nhà nước được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền xây dựng, quản lý và vận hành..	Bổ sung: Bổ sung quy định để triển khai quy định mới tại Luật Báo chí năm 2025.
	2. Trong trường hợp chưa có quy định hướng dẫn cụ thể của pháp luật, đối với việc thử nghiệm có kiểm soát các sản phẩm dịch vụ dựa trên công nghệ mới, ứng dụng trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, phát triển nền tảng, phát triển người dùng, đơn vị phải có đề án thử nghiệm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định..	
	3. Nền tảng số phát thanh, truyền hình quốc gia phải được cài đặt sẵn trên tất cả các thiết bị điện thoại di động thông minh và tivi thông minh có kết nối Internet được phân phối, sử dụng tại Việt Nam.	
	4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định về khung tiêu chí, quy trình công nhận nền tảng phát thanh số quốc gia, nền tảng truyền hình số quốc gia, nền tảng phát thanh, truyền hình số quốc gia.	

	5. Công cụ số để giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình trên không gian mạng là một hệ thống công nghệ thông tin được thiết kế để hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình và có chức năng thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu về nội dung, phạm vi tiếp cận, lượt nghe, xem, chia sẻ và các chỉ số liên quan khác..	
	6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xây dựng hoặc thuê công cụ số để thực hiện giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình trên không gian mạng.	
	Điều 15. Kênh nội dung trên không gian mạng	
	1. Các cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản giấy hoặc điện tử về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo biểu mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kênh nội dung bắt đầu hoạt động trên mạng xã hội trong và ngoài nước hoặc trên nền tảng số quốc gia. Cơ quan báo chí phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo.	Bổ sung: Bổ sung quy định để triển khai quy định mới tại Luật Báo chí năm 2025.
	2. Các cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình chịu trách nhiệm về các thông tin cung cấp trên kênh nội dung, đảm bảo tuân thủ đúng tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí đã được ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp; tuân thủ các quy định của Luật Báo chí số 126/2025/QH15 và các quy định của Nghị định này; tuân thủ quy định về bản quyền và các quy định của pháp luật hiện hành về an ninh mạng.	

	3. Việc đăng, phát kênh nội dung trên các nền tảng mạng xã hội trong và ngoài nước hoặc nền tảng số quốc gia của cơ quan báo chí phải có dấu hiệu nhận biết thống nhất.	
Điều 5. Chính sách quản lý dịch vụ phát thanh, truyền hình	Điều 16. Chính sách quản lý dịch vụ phát thanh, truyền hình	
1. Phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên toàn quốc bằng công nghệ hiện đại để mọi người dân dễ dàng tiếp cận các chương trình, kênh chương trình trong nước; triển khai phủ sóng truyền hình qua vệ tinh theo phương thức quảng bá tại các địa bàn khó khăn không có sóng truyền hình mặt đất để mọi người dân thu, xem được các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.	1. Phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên toàn quốc bằng công nghệ hiện đại để mọi người dân dễ dàng tiếp cận các chương trình, kênh chương trình trong nước; triển khai phủ sóng truyền hình qua vệ tinh theo phương thức quảng bá tại các địa bàn khó khăn không có sóng truyền hình mặt đất để mọi người dân thu, xem được các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.	Giữ nguyên Đây là các nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
2. Phát triển thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bền vững, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng nhằm huy động nguồn lực xã hội góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền và đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh, đa dạng của người dân.	2. Phát triển thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bền vững, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng nhằm huy động nguồn lực xã hội góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền và đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh, đa dạng của người dân.	
3. Tạo điều kiện thuận lợi để huy động, sử dụng các nguồn lực xã hội tham gia sản xuất các chương trình, kênh chương trình trong nước theo hình thức liên kết nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân; bảo vệ và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	3. Tạo điều kiện thuận lợi để huy động, sử dụng các nguồn lực xã hội tham gia sản xuất các chương trình, kênh chương trình trong nước theo hình thức liên kết nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân; bảo vệ và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	

4. Quản lý việc cung cấp nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí, điện ảnh; quản lý hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về viễn thông. Quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam, bao gồm cả dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet cung cấp xuyên biên giới tới người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.	4. Quản lý việc cung cấp nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí, điện ảnh; quản lý hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về viễn thông. Quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam, bao gồm cả dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet cung cấp xuyên biên giới tới người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.	
5. Kiểm tra, đánh giá hiệu quả nội dung thông tin, chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình bằng việc ứng dụng công nghệ số, thực hiện lưu chiếu, đo lường khán thính giả, điều tra xã hội học, đo kiểm kỹ thuật.	5. Kiểm tra, đánh giá hiệu quả nội dung thông tin, chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình bằng việc ứng dụng công nghệ số, thực hiện lưu chiếu, đo lường khán thính giả, điều tra xã hội học, đo kiểm kỹ thuật.	
Khoản 1 Điều 6 a) Chủ trì, phối hợp xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình; b) Chủ trì, phối hợp xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các quy chuẩn kỹ thuật đối với hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; đ) Quản lý và tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình;	6. Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình; xây dựng, ban hành các quy chuẩn kỹ thuật đối với hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình.	
6. Tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệp hội truyền hình trả tiền và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình hoạt động hiệu quả để góp phần thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	7. Tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệp hội truyền hình trả tiền và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình hoạt động hiệu quả để góp phần thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	

	Điều 17. Nguyên tắc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá	
Điều 9. 1. Phổ cập dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.	1. Phổ cập dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.	Giữ nguyên Đây là các nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
Điều 9. 2. Bảo đảm phù hợp các quy hoạch của Nhà nước về: Báo chí; truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình; phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình.	2. Bảo đảm phù hợp các quy hoạch của nhà nước về: Báo chí; truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình; phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình.	
Điều 9. 3. Bảo đảm phù hợp với các quy định về quản lý tài nguyên Internet và tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.	3. Bảo đảm phù hợp với các quy định về quản lý tài nguyên Internet và tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.	
Điều 9. 4. Bảo đảm nội dung dịch vụ phù hợp với các quy định về quản lý nội dung thông tin theo quy định của pháp luật về báo chí và quy định tại Nghị định này.	4. Bảo đảm nội dung dịch vụ phù hợp với các quy định về quản lý nội dung thông tin theo quy định của pháp luật về báo chí và quy định tại Nghị định này.	
Điều 9. 5. Bảo đảm phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Nhà nước về chất lượng thiết bị và dịch vụ phát thanh, truyền hình.	5. Bảo đảm phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa lĩnh vực phát thanh, truyền hình theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	

Điều 7 2. Nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá a) Phải có kế hoạch dành dung lượng truyền dẫn để thực hiện truyền dẫn phát sóng trên dịch vụ các kênh chương trình theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định này và theo phân công trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền;	6. Có kế hoạch dành dung lượng truyền dẫn để thực hiện truyền dẫn phát sóng trên dịch vụ các kênh chương trình theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này và theo phân công trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền.	
Điều 7 2. Nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá b) Chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý nội dung thông tin và bảo vệ sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình; c) Chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định;	7. Chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý nội dung thông tin và bảo vệ sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình; chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định.	
Điều 7 2. Nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	8. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	

Điều 13. Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá 1. Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá, gồm: a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương; b) Các kênh chương trình trong nước được phép cung cấp trên dịch vụ quảng bá. 4. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương dựa trên tôn chỉ, mục đích của kênh và phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền theo từng giai đoạn	9. Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá, gồm: a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương. Danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương dựa trên tôn chỉ, mục đích của kênh và phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền theo từng giai đoạn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định. b) Các kênh chương trình trong nước được phép cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá; c) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá phải thực hiện thông báo lần đầu danh mục kênh chương trình cung cấp trên dịch vụ cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) trước khi cung cấp dịch vụ.	Giữ nguyên và bổ sung - Nội dung chính tại điểm a, b đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Bổ sung quy định yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình quảng bá thông báo về việc triển khai cung cấp dịch vụ để cơ quan quản lý biết, theo dõi và giám sát hoạt động.
	Điều 18. Điều kiện cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	

Điều 14. Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được tổ chức thành các gói dịch vụ và dịch vụ được quy định, như sau: 1. Gói dịch vụ cơ bản là gói dịch vụ mà đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải cung cấp đến thuê bao và phải được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ, bao gồm: các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu; có thể có các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài, cụ thể: a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia phải được cung cấp đến tất cả thuê bao; b) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương phải được cung cấp đến các thuê bao tại địa phương nơi đơn vị cung cấp dịch vụ theo địa bàn hành chính, trừ trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng công nghệ truyền dẫn, phát sóng không có khả năng chèn hoặc thay thế kênh chương trình; c) Điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ. Cơ quan báo chí quyết định điểm nhận tín	<i>1. Điều kiện về kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền</i> a) Các kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia phải được cung cấp đến tất cả thuê bao, bảo đảm tính nguyên vẹn về nội dung, bản quyền và chất lượng kỹ thuật khi truyền dẫn, phát sóng và truyền tải kênh chương trình; Trường hợp đơn vị chỉ cung cấp dịch vụ phát thanh trả tiền, đơn vị phải cung cấp đầy đủ các kênh chương trình phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia. Trường hợp đơn vị chỉ cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, đơn vị phải cung cấp đầy đủ các kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia. b) Các kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương phải được cung cấp đến các thuê bao tại địa phương nơi đơn vị cung cấp dịch vụ theo địa bàn hành chính, trừ trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng công nghệ truyền dẫn, phát sóng không có khả năng chèn hoặc thay thế kênh chương trình trên địa bàn hành chính đó; c) Điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ. Cơ quan báo chí quyết định điểm nhận tín hiệu từ Tổng không chế của cơ quan báo chí hoặc từ một địa điểm có vị trí thuận lợi, gần nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật để bảo đảm chất lượng tín hiệu và tiết kiệm chi phí truyền dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ;	Giữ nguyên, bổ sung làm rõ - Nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Bổ sung làm rõ các thể loại kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền để doanh nghiệp dễ dàng tuân thủ.
---	---	--

hiệu từ Tổng khống chế của cơ quan báo chí hoặc từ một địa điểm có vị trí thuận lợi, gần nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật để bảo đảm chất lượng tín hiệu và tiết kiệm chi phí truyền dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ; d) Các kênh chương trình nước ngoài và kênh chương trình trong nước khác do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định.	d) Trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet theo yêu cầu thì không phải cung cấp các kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia, địa phương đến thuê bao. đ) Các kênh chương trình nước ngoài và kênh chương trình trong nước khác do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định. e) Số lượng kênh chương trình nước ngoài khai thác trên mỗi dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không vượt quá 30% tổng số kênh khai thác.	
---	---	--

Điều 20a. Biên tập, phân loại, biên dịch nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu. 1. Biên tập, phân loại nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu thực hiện như sau: a) Đối với chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội: Phải được cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình sản xuất, biên tập trước khi cung cấp trên dịch vụ; b) Đối với phim: Trước khi cung cấp trên dịch vụ, đơn vị cung cấp dịch vụ phải bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, kết quả phân loại phim theo tiêu chí phân loại do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ chưa bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim thì đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền thực hiện phân loại đối với phim chưa được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng; c) Đối với chương trình thể thao, giải trí: Phải được biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ và hiển thị cảnh báo trong khi cung cấp dịch vụ, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Đơn vị cung cấp dịch vụ căn cứ nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và quy định của pháp luật liên quan để thực hiện hoạt động biên tập, phân loại. 2. Biên dịch nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu: Việc biên dịch phim, chương trình nước ngoài phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Nội dung biên dịch đối	2. Điều kiện về biên tập, biên dịch, phân loại nội dung theo yêu cầu: a) Đối với chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội: Phải được cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình sản xuất, biên tập trước khi cung cấp trên dịch vụ; b) Đối với phim: Trước khi cung cấp trên dịch vụ, đơn vị cung cấp dịch vụ phải bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, kết quả phân loại phim theo tiêu chí phân loại do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ chưa bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim thì đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền thực hiện phân loại đối với phim chưa được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng; c) Đối với chương trình thể thao, giải trí: Phải được biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ và hiển thị cảnh báo trong khi cung cấp dịch vụ, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Đơn vị cung cấp dịch vụ căn cứ nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định của pháp luật liên quan để thực hiện hoạt động biên tập, phân loại. d) Biên dịch nội dung theo yêu cầu phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Nội dung biên dịch đối với từng loại chương trình (nếu có) được thực hiện biên tập, phân loại như quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này.	Giữ nguyên Nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
--	--	---

với từng loại chương trình (nếu có) được thực hiện biên tập, phân loại như quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan ngăn chặn việc phổ biến các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu không thực hiện biên tập, phân loại theo các quy định tại khoản 1 Điều này.	đ) Nội dung dịch vụ giá trị gia tăng, quảng cáo phải được thực hiện biên tập, phân loại như quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này và quy định pháp luật liên quan. e) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan ngăn chặn việc phổ biến các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu không thực hiện biên tập, phân loại theo các quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này. g) Nội dung theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng, nội dung quảng cáo: Phải lập hồ sơ có đầy đủ thông tin về thể loại nội dung, đơn vị biên tập, phân loại, cảnh báo, thời gian cung cấp trên dịch vụ, thời hạn bản quyền phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.	
--	--	--

Điều 22. Bản quyền nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình 1. Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của pháp luật được tiếp phát, truyền tải nguyên vẹn trên dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam thông qua thỏa thuận điểm nhận tín hiệu giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ. 2. Các kênh chương trình khác trên dịch vụ phát thanh, truyền hình phải bảo đảm các yêu cầu về bản quyền như sau: a) Có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật; b) Bảo đảm tính nguyên vẹn của chương trình, kênh chương trình, trừ trường hợp cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của Điều 23 Nghị định này. 3. Các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bản quyền như sau: a) Có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật; b) Bảo đảm tính nguyên vẹn của chương trình, phim đã được phát trên kênh, bao gồm cả tên, biểu tượng (logo) của kênh chương trình; c) Bảo đảm tuân thủ hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận bản quyền; tính nguyên vẹn của nội dung chương trình sau khi được biên tập, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 20a Nghị định này.	3. <i>Điều kiện về bản quyền nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình</i> a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của pháp luật được tiếp phát, truyền tải nguyên vẹn trên dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam thông qua thỏa thuận điểm nhận tín hiệu giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ; b) Các kênh chương trình khác trên dịch vụ phát thanh, truyền hình phải bảo đảm có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật, tính nguyên vẹn của chương trình, kênh chương trình, trừ trường hợp cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của khoản 4 điều này; c) Các nội dung theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng phải bảo đảm có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật, tính nguyên vẹn của chương trình, phim đã được phát trên kênh, bao gồm cả tên, biểu tượng (logo) của kênh chương trình và bảo đảm tuân thủ hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận bản quyền; tính nguyên vẹn của nội dung chương trình sau khi được biên tập, phân loại theo quy định tại khoản 2 điều này.	Giữ nguyên Nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
---	--	---

Điều 23. Tên, biểu tượng đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) dịch vụ trên kênh chương trình truyền hình để nhận dạng dịch vụ của mình theo các quy định sau: 1. Có khả năng nhận dạng dễ dàng. 2. Không vượt quá 10 (mười) ký tự và không trùng với tên, biểu tượng đã đăng ký trước đó. 3. Đặt ở 01 (một) trong 04 (bốn) góc của màn hình và không chồng lên biểu tượng của đơn vị cung cấp nội dung hoặc biểu tượng của kênh chương trình. 4. Có văn bản chứng nhận hoặc cam kết sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật đối với biểu tượng (lôgô) dịch vụ. Biểu tượng dịch vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải đăng ký cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền hoặc hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. 5. Không cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ trên các kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước. 6. Chủ động chọn và đề xuất ít nhất 2 kênh chương trình trong danh mục kênh chương trình cung cấp trên dịch vụ để thực hiện cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) cho mục đích nhận dạng đơn vị cung cấp dịch vụ.	4. Điều kiện về tên, biểu tượng đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình a) Có khả năng nhận dạng dễ dàng; b) Không trùng với tên, biểu tượng đã đăng ký trước đó; c) Đặt ở 01 (một) trong 04 (bốn) góc của màn hình và không chồng lên biểu tượng của đơn vị cung cấp nội dung hoặc biểu tượng của kênh chương trình; d) Có văn bản chứng nhận hoặc cam kết sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật đối với biểu tượng (lôgô) dịch vụ. Biểu tượng dịch vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải đăng ký cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền hoặc hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trong trường hợp sửa đổi, bổ sung tên, biểu tượng dịch vụ; đ) Không cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ trên các kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước. e) Chủ động chọn ít nhất 2 kênh chương trình trong danh mục kênh chương trình cung cấp trên dịch vụ để thực hiện cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) cho mục đích nhận dạng đơn vị cung cấp dịch vụ.	Giữ nguyên, điều chỉnh bổ sung - Nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Lược bỏ quy định “Không vượt quá 10 (mười) ký tự” để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chủ động quyết định.
---	---	--

Điều 12. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền 1. Điều kiện cấp Giấy phép: a) Là doanh nghiệp Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được sự chấp thuận về chủ trương của Thủ tướng Chính phủ; b) Có phương án cung cấp dịch vụ phù hợp với quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình, quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình và các quy hoạch khác trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử; c) Có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; có xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; d) Có các phương án: Bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; dự báo và phân tích thị trường dịch vụ; kế hoạch kinh doanh và giá cước dịch vụ, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 (hai) năm đầu tiên; văn bản chứng minh vốn điều lệ hoặc văn bản giá trị tương đương đáp ứng yêu cầu triển khai cung cấp dịch vụ theo dự toán; đ) Có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài tập trung ở một địa điểm, trừ các kênh chương trình thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương, gồm: Thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn,	5. Điều kiện cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình hoặc cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có cơ chế tài chính như doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư; b) Có Giấy phép viễn thông hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất, dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp, dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh, dịch vụ phát thanh, truyền hình di động; có xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet, dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet theo yêu cầu; d) Có các phương án: Bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; kế hoạch kinh doanh và giá cước dịch vụ, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 (hai) năm đầu tiên; đ) Có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài tập trung ở một địa điểm, trừ các kênh chương trình thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương, gồm: Thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn,	Giữ nguyên, điều chỉnh bổ sung - Nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Bổ sung thành phần được tham gia cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trong đó, bổ sung cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình hoặc cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có cơ chế tài chính như doanh nghiệp. - Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: không quy định cứng phải xin chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, mà thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư
--	--	---

thiết bị quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung; e) Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao; g) Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước (trừ các kênh chương trình quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định này), kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo các văn bản chấp thuận của đơn vị cung cấp nội dung; h) Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phù hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định này.	thiết bị quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung; e) Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao; g) Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; h) Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ, thông tin tuyên truyền thiết yếu quốc gia, thiết yếu địa phương, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet không cung cấp kênh chương trình, chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu.	
--	---	--

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền 2. Nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền a) Chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý nội dung thông tin và bảo vệ sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình và các nội dung khác trên dịch vụ; b) Chấp hành các quy định của Nhà nước về phí, lệ phí, giá và hợp đồng cung cấp dịch vụ; c) Chấp hành các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được cấp; d) Chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định; đ) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có mạng viễn thông chấp hành các quy định về sở hữu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về viễn thông; e) Không được cung cấp, thử nghiệm cung cấp các kênh chương trình ngoài danh mục đã được cấp đăng ký trên dịch vụ dưới mọi hình thức; g) Không được mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới mọi hình thức; h) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	6. Điều kiện về nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền a) Chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý nội dung thông tin và bảo vệ sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình và các nội dung khác trên dịch vụ; b) Chấp hành các quy định của nhà nước về phí, lệ phí, giá và hợp đồng cung cấp dịch vụ; c) Chấp hành các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được cấp; d) Chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định; đ) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có mạng viễn thông chấp hành các quy định về sở hữu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về viễn thông; e) Niêm yết giá dịch vụ, giá gói dịch vụ gắn với các thông tin, thông số kỹ thuật cơ bản của dịch vụ, gói dịch vụ tại các cơ sở kinh doanh có quầy giao dịch cung cấp dịch vụ, trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (nếu có) và các địa điểm khác do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định theo quy định của pháp luật; g) Không được mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới mọi hình thức; h) Bảo đảm phù hợp các quy chuẩn kỹ thuật của nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa lĩnh vực phát thanh, truyền hình theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	Giữ nguyên Nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
--	---	---

	i) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; k) Chấp hành quy định về điều kiện được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trong suốt thời gian Giấy phép còn hiệu lực.	
Điều 12. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Điều 19. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	

2. Hồ sơ cấp Giấy phép a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định; c) Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ: Loại hình, phạm vi cung cấp dịch vụ; phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trực tuyến và dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (nếu có); phương tiện thanh toán; dự kiến các điều khoản về quyền lợi, trách nhiệm của các bên trong ký kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ và các nội dung quy định tại các điểm b, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này; Đối với dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Nghị định này, trường hợp trên dịch vụ không cung cấp các kênh chương trình, chỉ cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu: Thực hiện kê khai theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, gồm các nội dung: Phạm vi, điều kiện kỹ thuật cung cấp dịch vụ; phương tiện thanh toán; quy trình giải quyết khiếu nại; dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên, dự kiến nhóm nội dung cung cấp trên dịch vụ; tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng Internet cung cấp dịch vụ; d) Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có mạng viễn thông trong thời gian Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có hiệu lực đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; bản sao xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định	1. Hồ sơ cấp giấy phép a) Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 04 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ: Loại hình, nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ; phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trực tuyến và dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (nếu có); phương tiện thanh toán; quy trình giải quyết khiếu nại; dự kiến các điều khoản về quyền lợi, trách nhiệm của các bên trong ký kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ theo biểu mẫu số 05 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; c) Bản sao giấy phép viễn thông hoặc bản sao văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có giấy phép viễn thông còn hiệu lực đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất, dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp, dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh, dịch vụ phát thanh, truyền hình di động. Nội dung thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông phải có quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông hoặc giải pháp kỹ thuật bổ sung để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ; d) Văn bản chứng nhận hoặc cam kết sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật đối với biểu tượng (lôgô) dịch vụ; đ) Bản sao tài liệu xác minh đơn vị là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình hoặc cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có cơ chế tài	Giữ nguyên, điều chỉnh bổ sung - Nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Bổ sung biểu mẫu hướng dẫn lập đề án để các doanh nghiệp dễ dàng thực hiện. - Hủy bỏ yêu cầu về hồ sơ đối với văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu, trừ trường hợp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet không cung cấp kênh chương trình, do đề doanh nghiệp thực hiện khi đăng ký danh mục kênh chương trình. - Bổ sung yêu cầu tài liệu xác minh về vốn tại doanh nghiệp.
--	--	--

này không có mạng viễn thông phải có quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông hoặc giải pháp kỹ thuật bổ sung để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ; đ) Hồ sơ đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Nghị định này; e) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu, trừ trường hợp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet không cung cấp kênh chương trình.	chính như doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cung cấp tài liệu xác minh đã thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. .	
--	--	--

3. Thủ tục cấp Giấy phép a) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)¹⁹ và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; b) Trong thời hạn 24 ngày làm việc²⁰ kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.	2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có thông báo cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bằng văn bản giấy hoặc điện tử và nêu rõ lý do. b) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp giấy phép, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản giấy hoặc điện tử trả lời và nêu rõ lý do.	Giữ nguyên, điều chỉnh bổ sung - Nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Bổ sung thời hạn trả lời sớm đối với hồ sơ không hợp lệ; - Giảm thời gian xử lý đối với hồ sơ hợp lệ.
---	---	--

4. Thời hạn Giấy phép a) Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có thời hạn hiệu lực tối đa trong 10 (mười) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này;	3. Thời hạn Giấy phép Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có thời hạn hiệu lực tối đa trong 10 (mười) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong giấy phép viễn thông hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông.	
Điều 12	Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	
5. Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép: a) Các trường hợp thay đổi về trung tâm thu phát, công nghệ kỹ thuật, loại hình dịch vụ thì doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại các Khoản 2, 3 Điều này;	1. Các trường hợp thay đổi về Trung tâm thu phát, công nghệ kỹ thuật, loại hình dịch vụ thì đơn vị thực hiện hồ sơ, thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.	Giữ nguyên, điều chỉnh bổ sung - Nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

b) Thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, doanh nghiệp phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thuyết minh nội dung thay đổi; c) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)²¹;	2. Các trường hợp thay đổi các nội dung khác ghi trong giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, đơn vị phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thuyết minh các nội dung thay đổi, nộp về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có thông báo cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bằng văn bản giấy hoặc điện tử và nêu rõ lý do	số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Bổ sung thời hạn trả lời sớm đối với hồ sơ không hợp lệ; - Giảm thời gian xử lý đối với hồ sơ hợp lệ.
d) Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do;	4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm xét cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản giấy hoặc điện tử trả lời và nêu rõ lý do.	
đ) Các trường hợp thay đổi về địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy phép trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chính thức thay đổi.	5. Các trường hợp thay đổi về địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì đơn vị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp giấy phép trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chính thức thay đổi.	
	Điều 21. Thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	

b) Sau thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực, nếu doanh nghiệp được cấp Giấy phép không thực hiện việc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thì Giấy phép không còn giá trị. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi Giấy phép; Nếu muốn tiếp tục cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại các Khoản 2, 3 Điều này.	1. Sau thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, nếu đơn vị được cấp giấy phép không thực hiện việc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thì giấy phép không còn giá trị. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi Giấy phép.	Giữ nguyên, điều chỉnh bổ sung - Nội dung đã được quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Bổ sung trường hợp thu hồi Giấy phép đối với trường hợp đang cung cấp dịch vụ nhưng không tiếp tục cung cấp trong thời gian dài; trường hợp vi phạm quy định đến mức phải thu hồi giấy phép.
	2. Đơn vị được cấp phép không có hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày thì giấy phép không còn giá trị. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi giấy phép.	
	3. Đơn vị được cấp Giấy phép không chấp hành quy định về điều kiện cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thì giấy phép không còn giá trị. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi giấy phép.	
b) Sau thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực, nếu doanh nghiệp được cấp Giấy phép không thực hiện việc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thì Giấy phép không còn giá trị. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi Giấy phép; Nếu muốn tiếp tục cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại các Khoản 2, 3 Điều này.	4. Trường hợp giấy phép hết hiệu lực, giấy phép bị thu hồi, đơn vị muốn tiếp tục cung cấp dịch vụ phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.	

Điều 21. Đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình	Điều 22. Đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình	
1.57 Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá: Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá chủ động lựa chọn danh mục kênh chương trình trong nước phù hợp quy định tại Điều 13 Nghị định này để cung cấp trên dịch vụ và không phải thực hiện thủ tục đăng ký danh mục kênh; thực hiện thông báo danh mục kênh theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.	<i>1. Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá:</i> Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá được chủ động lựa chọn danh mục kênh chương trình trong nước phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này để cung cấp trên dịch vụ và không phải thực hiện thủ tục đăng ký danh mục kênh.	Đơn giản hóa thủ tục: Doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục đăng ký danh mục kênh.
2. Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải thực hiện đăng ký danh mục nội dung các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài; b) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không phải thực hiện đăng ký danh mục nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng. Các nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này;	<i>2. Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền</i> a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải thực hiện đăng ký lần đầu danh mục các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài; b) Trong quá trình triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, nếu có thay đổi so với danh mục kênh chương trình đã đăng ký, các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện gửi thông báo về việc sửa đổi, bổ sung danh mục kênh chương trình tới có cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền lần đầu; c) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không phải thực hiện đăng ký danh mục nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng. Các nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều này;	Đơn giản hóa thủ tục: Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền chỉ phải thực hiện thủ tục đăng ký danh mục kênh lần đầu; các lần sau doanh nghiệp chỉ thực hiện thông báo. Thời gian xử lý hồ sơ lần đầu giảm từ 24 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc; thời gian đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện thông báo linh hoạt, tạo điều kiện tối đa trong khoảng 10 ngày trước thời điểm đăng ký cung cấp kênh.

3.58 Yêu cầu đối với nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng a) Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bản quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này; b) Được thực hiện biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 20a Nghị định này; c) Nội dung quảng cáo (nếu có) được đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện biên tập bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam về quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan; d) Nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng, nội dung quảng cáo: Phải lập hồ sơ theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.	<i>3. Yêu cầu đối với nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng</i> a) Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bản quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này; b) Được thực hiện biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này; c) Nội dung quảng cáo (nếu có) được đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện biên tập bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam về quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan; d) Nội dung theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng, nội dung quảng cáo: Phải lập hồ sơ có đầy đủ thông tin về thể loại nội dung, đơn vị biên tập, phân loại, cảnh báo, thời hạn bản quyền phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.	
---	---	--

5. Hồ sơ đăng ký lần đầu, đăng ký sửa đổi, bổ sung danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền a) Tờ khai đăng ký, đăng ký sửa đổi, bổ sung danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định; b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đăng ký; c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu; d) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử)⁵⁹;	4. Hồ sơ đăng ký lần đầu danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền a) Tờ khai đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đăng ký; c) Bản sao văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu; d) Hồ sơ nộp về Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.	
--	--	--

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền a) Đối với hồ sơ đăng ký lần đầu được thực hiện cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; b) Đối với hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thời hạn xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký là 15 (mười lăm) ngày. Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời nêu rõ lý do	5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền a) Hồ sơ đăng ký lần đầu được đơn vị thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; b) Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản trả lời nêu rõ lý do.	
4. Trong quá trình triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, nếu có thay đổi so với danh mục nội dung đã đăng ký, các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải thực hiện đăng ký sửa đổi, bổ sung danh mục nội dung.	6. Hồ sơ, thủ tục thông báo danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền: Đơn vị thay đổi danh mục kênh chương trình so với danh mục kênh chương trình đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký thì gửi văn bản thông báo theo biểu mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử ít nhất là 05 ngày làm việc trước khi thực hiện cung cấp danh mục kênh chương trình mới.	Phân cấp, cắt giảm thủ tục - Cắt giảm thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền - Đơn vị chủ động thực hiện việc thông báo khi có thay đổi.
	<i>Điều 23. Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh</i>	

Điều 28. Thu tín hiệu truyền hình thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình Người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam được lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh để thu xem các kênh chương trình truyền hình thuộc dịch vụ truyền hình qua vệ tinh của Việt Nam mà không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.	1. Thu tín hiệu truyền hình thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình Người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam được lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh để thu xem các kênh chương trình truyền hình thuộc dịch vụ truyền hình qua vệ tinh của Việt Nam mà không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.	Giữ nguyên Nội dung quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
---	---	---

Điều 29. Thu tín hiệu truyền hình không thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình 1. Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ truyền hình qua vệ tinh của Việt Nam là thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để thu xem các kênh chương trình truyền hình nước ngoài không qua biên tập bởi cơ quan báo chí. 2. Các đối tượng sau đây được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ: a) Các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; b) Các cơ quan báo chí; c) Các cơ quan, tổ chức ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam; d) Văn phòng đại diện, văn phòng thường trú của các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài tại Việt Nam. 3. Các tổ chức không quy định tại Khoản 2 Điều này có người nước ngoài làm việc, hộ gia đình và cá nhân người nước ngoài chỉ được thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh nếu các kênh chương trình đó chưa được cung cấp trên hệ thống truyền hình trả tiền của Việt Nam tại địa phương nơi tổ chức, gia đình và cá nhân đó thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu. 4. Các doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được làm đầu mỗi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập để cung cấp cho các đối tượng sau:	2. Thu tín hiệu truyền hình không thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình a) Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ truyền hình qua vệ tinh của Việt Nam là thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để thu xem các kênh chương trình truyền hình nước ngoài không qua biên tập bởi cơ quan báo chí. b) Các đối tượng sau đây được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ, gồm: Các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Các cơ quan báo chí; Các cơ quan, tổ chức ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam; Văn phòng đại diện, văn phòng thường trú của các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài tại Việt Nam. c) Các tổ chức không quy định tại điểm b khoản này có người nước ngoài làm việc, hộ gia đình và cá nhân người nước ngoài chỉ được thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh nếu các kênh chương trình đó chưa được cung cấp trên hệ thống truyền hình trả tiền của Việt Nam tại địa phương nơi tổ chức, gia đình và cá nhân đó thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu. d) Các doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được làm đầu mỗi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập để cung cấp cho các đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản này không có điều kiện hoặc nhu cầu thiết lập riêng hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh, các khách sạn đã được đăng ký hoạt động hợp pháp có người nước ngoài lưu trú. đ) Các đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản này phải thực hiện đăng ký thu tín hiệu truyền hình	Giữ nguyên Nội dung quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
--	--	---

a) Các đối tượng quy định tại Khoản 2, 3 Điều này không có điều kiện hoặc nhu cầu thiết lập riêng hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh; b) Các khách sạn đã được đăng ký hoạt động hợp pháp có người nước ngoài lưu trú. 5. Các đối tượng quy định tại các Khoản 2, 3 và Điểm b Khoản 4 Điều này phải thực hiện đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu. 6. Các doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và có thỏa thuận hoặc giao kết hợp đồng cung cấp tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập cho các đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều này phải thực hiện đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu. 7.64 Đối với các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trực tiếp qua vệ tinh có truyền dẫn qua Internet thì đơn vị cung cấp dịch vụ có giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thiết lập hệ thống thu tín hiệu qua truyền dẫn Internet để cung cấp cho các đối tượng quy định tại các khoản 2 và 3, điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định này và thực hiện thủ tục đăng ký với Sở Thông tin và Truyền thông như đối với thủ tục thu tín hiệu trực tiếp từ vệ tinh quy định tại Điều 30 Nghị định này.	nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại địa phương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu. e) Các doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và có thỏa thuận hoặc giao kết hợp đồng cung cấp tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập cho các đối tượng quy định tại điểm d khoản này phải thực hiện đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại địa phương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu; g) Đối với các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trực tiếp qua vệ tinh có truyền dẫn qua Internet thì đơn vị cung cấp dịch vụ có giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thiết lập hệ thống thu tín hiệu qua truyền dẫn Internet để cung cấp cho các đối tượng quy định tại điểm d khoản này thực hiện thủ tục đăng ký với Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch như đối với thủ tục thu tín hiệu trực tiếp từ vệ tinh.	
Điều 30. Thủ tục cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Điều 24. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh	

1. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý và xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh trên địa bàn được giao quản lý.	1. Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm quản lý và xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh trên địa bàn được giao quản lý.	Giữ nguyên Nội dung quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng
--	---	---

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh được quy định như sau: a) Tờ khai đăng ký theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định; b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định này; 65, Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định này; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định này; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định này; c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; d) Hồ sơ lập thành 01 (một) bộ bản chính nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh; đ) Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp	2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh được quy định như sau: a) Tờ khai đăng ký theo biểu mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định này; Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định này; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định này; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại điểm e, điểm g khoản 2 Điều 22 Nghị định này; c) Bản sao văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; d) Hồ sơ lập thành 01 (một) bộ bản chính nộp về Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh bằng một trong các hình thức sau: trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. đ) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu	dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
---	---	---

đăng ký, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do; e) Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định; g) Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có hiệu lực tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời nêu rõ lý do; e) Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh theo biểu mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; g) Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có hiệu lực tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	
--	---	--

3. Hồ sơ, thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh: a) Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung; đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới; b) Hồ sơ lập thành 01 (một) bộ bản chính nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh; c) Trong thời hạn 8 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.	3. Hồ sơ, thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh: a) Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung; đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới; b) Hồ sơ lập thành 01 (một) bộ bản chính nộp về Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. c) Trong thời hạn 08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời nêu rõ lý do.	
Điều 26. Báo cáo nghiệp vụ	Điều 25. Báo cáo nghiệp vụ	
1. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ và mẫu biểu báo cáo đối với hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hoạt động cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; hoạt động sản xuất, liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; hoạt động biên tập, biên dịch nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình.	1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ và mẫu biểu báo cáo đối với hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hoạt động cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; hoạt động sản xuất, liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; hoạt động biên tập, biên dịch nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình.	Giữ nguyên Nội dung quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

2. Các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình có trách nhiệm: a) Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố nơi có triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	2. Các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình có trách nhiệm: a) Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố nơi có triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; <i>b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</i>	số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ.
3.63 Các đơn vị có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình, Giấy phép sản xuất kênh chương trình, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài, Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm: a) Báo cáo định kỳ, đột xuất hoạt động sản xuất, liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; hoạt động biên tập, biên dịch nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình; hoạt động cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	3. Các đơn vị có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình, Giấy phép sản xuất kênh chương trình, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài, Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm: a) Báo cáo định kỳ, đột xuất hoạt động sản xuất, liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; hoạt động biên tập, biên dịch nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình; hoạt động cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; <i>b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</i>	

4. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm sử dụng nội dung và số liệu báo cáo nghiệp vụ để phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình và hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình.	4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm sử dụng nội dung và số liệu báo cáo nghiệp vụ để phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình và hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình.	
	Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
	<i>Điều 26. Quy định chuyển tiếp</i> 1. Các Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình, Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước của các Báo và phát thanh, truyền hình địa phương tiếp tục có hiệu lực đến ngày 01 tháng 3 năm 2027. 2. Các Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn Giấy phép, trừ trường hợp bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại Nghị định này. 3. Các Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn Giấy phép, trừ trường hợp bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại Nghị định này.	Bổ sung - Quy định cho phép doanh nghiệp có giấy phép được tiếp tục hoạt động theo quy định của giấy phép được cấp

Điều 31. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2016. 2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản quy phạm pháp luật và quy định sau đây hết hiệu lực: a) Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền; b) Quyết định số 18a/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền ban hành kèm theo Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; c) Thông tư số 19/2009/TT-BTTTT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc liên kết trong hoạt động sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình; d) Các Điều 10, 11, 12 của Thông tư số 07/2011/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp Giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình hết hiệu lực. 3. Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các doanh nghiệp đang có hoạt động cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, có hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng nhưng chưa có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông nếu tiếp tục hoạt động cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, phải làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thiết lập mạng viễn thông và cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.	Điều 27. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. 2. Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	Bổ sung - Quy định về hiệu lực thi hành của Nghị định, cùng thời điểm với hiệu lực của Luật Báo chí; - Hủy bỏ các Nghị định không còn hiệu lực thi hành sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.
--	---	---

4. Các giấy phép, giấy chứng nhận được cấp theo quy định tại Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn đã được cấp Giấy phép.		
Điều 32. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này. 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	Điều 28. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này. 2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này	